| **Cấp độ log** | **Mô tả** | **Ví dụ khi sử dụng** |
| --- | --- | --- |
| **TRACE** | Mức chi tiết nhất, ghi lại mọi hoạt động nhỏ bên trong ứng dụng. Chủ yếu phục vụ việc lập trình viên phân tích, kiểm tra luồng đi chi tiết của chương trình. | Ghi lại từng bước xử lý của một hàm tính toán, vòng lặp, hoặc thông tin truy vết chi tiết khi thử nghiệm chức năng mới. |
| **DEBUG** | Thông tin dùng để gỡ lỗi, mô tả trạng thái bên trong hệ thống, biến, cấu hình, điều kiện nhánh. Thường chỉ bật ở môi trường phát triển. | Ghi lại giá trị các biến trong quá trình xử lý đăng nhập, hoặc cảnh báo cấu hình thiếu trong môi trường phát triển. |
| **INFO** | Thông tin chung về các sự kiện quan trọng, đáng chú ý, phản ánh quá trình vận hành bình thường của hệ thống. | Ghi nhận khi người dùng đăng nhập thành công, hệ thống khởi động xong, thao tác thêm mới dữ liệu thành công. |
| **WARN** | Thông báo cảnh báo về các tình huống bất thường hoặc có rủi ro, nhưng chưa ảnh hưởng nghiêm trọng tới hoạt động. | Kết nối tới dịch vụ ngoài bị chậm, giá trị đầu vào không hợp lệ nhưng hệ thống đã xử lý dự phòng và tiếp tục hoạt động. |
| **ERROR** | Ghi lại lỗi phát sinh làm hỏng chức năng, nghiệp vụ không xử lý được, nhưng ứng dụng vẫn chạy tiếp. Nên log để sau này sửa chữa. | Không lưu được dữ liệu vào cơ sở dữ liệu, lỗi truy cập API bên ngoài trả về mã lỗi, ngoại lệ không kiểm soát. |
| **FATAL** | Lỗi nghiêm trọng gây dừng toàn bộ ứng dụng hoặc module chính. Thường cần can thiệp kịp thời. | Hệ thống không kết nối được database khi khởi động, lỗi truy xuất dữ liệu cấu hình quan trọng khiến hệ thống buộc phải tắt. |